

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ VÀ THƯƠNG MẠI NAM HỒNG
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ VÀ THƯƠNG MẠI NAM HỒNG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0108222946

3. Ngày thành lập: 09/04/2018

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà 177 Ngõ 180 phố Nguyễn Lương Bằng, Phường Quang Trung, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Xây dựng nhà các loại	4100
2.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
3.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
4.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
5.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
6.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
7.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
8.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
9.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Tư vấn, môi giới bất động sản, quyền sử dụng đất	6619
10.	Đại lý du lịch	7911
11.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230(Chính)
12.	Dịch vụ đóng gói	8292
13.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu	7490

14.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến Bán buôn xi măng Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi Bán buôn kính xây dựng Bán buôn sơn, vécni Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh Bán buôn đồ ngũ kim Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
15.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (trừ đầu giá)	4799
16.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
17.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
18.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
19.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
20.	Điều hành tua du lịch	7912
21.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299
22.	Hoạt động dịch vụ phục vụ cá nhân khác còn lại chưa được phân vào đâu	9639
23.	Giáo dục nghề nghiệp	8532
24.	Hoạt động thể thao khác	9319
25.	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu	9329
26.	Sửa chữa giày, dép, hàng da và giả da	9523
27.	Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự	9524
28.	Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao)	9610
29.	Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú	9620
30.	Hoạt động dịch vụ phục vụ hôn lễ	9633
31.	Hoạt động làm thuê công việc gia đình trong các hộ gia đình	9700
32.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
33.	Sao chép bản ghi các loại	1820
34.	Xây dựng công trình công ích	4220
35.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
36.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
37.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
38.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
39.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390

40.	Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)	4512
41.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (trừ hoạt động đấu giá)	4530
42.	Bán mô tô, xe máy (trừ hoạt động đấu giá)	4541
43.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (trừ hoạt động đấu giá)	4543
44.	Đại lý, môi giới, đấu giá Chi tiết: Đại lý, môi giới	4610
45.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
46.	Bán buôn gạo	4631
47.	Bán buôn thực phẩm	4632
48.	Bán buôn đồ uống	4633
49.	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép	4641
50.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
51.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi) Bán buôn máy móc, thiết bị y tế Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu	4659
52.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (trừ vàng miếng)	4662
53.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp) Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh Bán buôn cao su Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại	4669

54.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
55.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
56.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
57.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ đồ ngũ kim trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ sơn, màu, véc ni trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ kính xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát sỏi và vật liệu xây dựng khác trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ gạch ốp lát, thiết bị vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
58.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
59.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
60.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ	4789
61.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782
62.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc Lào lưu động hoặc tại chợ	4781
63.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ bán lẻ vàng miếng, súng, đạn, tem và tiền kim khí	4773
64.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (trừ đấu giá)	4791
65.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
66.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
67.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ	5221
68.	Chuyển phát	5320
69.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)	5621
70.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
71.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
72.	Xuất bản phần mềm Chi tiết: sản xuất phần mềm	5820

73.	Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình Chi tiết: Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video	5911
74.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
75.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
76.	Cổng thông tin (trừ hoạt động báo chí)	6312
77.	Bán buôn tổng hợp	4690
78.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
79.	In ấn	1811
80.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
81.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
82.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
83.	Phá dỡ	4311
84.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
85.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (trừ hoạt động đấu giá)	4511
86.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu	4649
87.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
88.	Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu	6329
89.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư	6820
90.	Hoạt động tư vấn quản lý (trừ hoạt động tư vấn pháp luật)	7020
91.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
92.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759

93.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm Chi tiết: Hoạt động của đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm	7810
94.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác	8219
95.	Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề	9321
96.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521
97.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
98.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Trừ dịch vụ hỗ trợ liên quan đến vận tải hàng không)	5229
99.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
100.	Hoạt động hậu kỳ	5912
101.	Lập trình máy vi tính	6201
102.	Hoạt động của trụ sở văn phòng	7010
103.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Hoạt động kiến trúc Hoạt động đo đạc bản đồ Hoạt động thăm dò địa chất, nguồn nước Hoạt động tư vấn kỹ thuật có liên quan khác	7110
104.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
105.	Cho thuê xe có động cơ	7710
106.	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác	7729
107.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác	7730
108.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
109.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
110.	Hoạt động ghi âm và xuất bản âm nhạc	5920
111.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
112.	Môi giới hợp đồng hàng hoá và chứng khoán	6612
113.	Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí	9000
114.	Hoạt động của các cơ sở thể thao	9311
115.	Quảng cáo	7310
116.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
117.	Hoạt động nhiếp ảnh	7420
118.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
119.	Cung ứng lao động tạm thời	7820
120.	Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7920

121.	Hoạt động bảo vệ cá nhân	8010
122.	Dịch vụ hệ thống bảo đảm an toàn	8020
123.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110
124.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
125.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
126.	Giáo dục thể thao và giải trí	8551
127.	Giáo dục văn hoá nghệ thuật	8552
128.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu (trừ Dạy về tôn giáo; Các trường của các tổ chức Đảng, đoàn thể)	8559
129.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
130.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512
131.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522
132.	Sửa chữa đồ dùng cá nhân và gia đình khác	9529

6. Vốn điều lệ: 1.000.000.000 VNĐ

7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: NGUYỄN THỊ HƯƠNG

Giới tính: Nữ

Sinh ngày: 06/09/1989

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 155189000002

Ngày cấp: 26/10/2017

Nơi cấp: Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 177 ngõ 180 phố Nguyễn Lương Bằng, Phường Quang Trung, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 177 ngõ 180 phố Nguyễn Lương Bằng, Phường Quang Trung, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN THỊ HƯƠNG

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 06/09/1989

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 155189000002

Ngày cấp: 26/10/2017

Nơi cấp: Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 177 ngõ 180 phố Nguyễn Lương Bằng, Phường Quang Trung, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 177 ngõ 180 phố Nguyễn Lương Bằng, Phường Quang Trung, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội